TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **362**/2025/QĐST-HNGĐ	*TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 199/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Ông Trần Thanh T, sinh ngày 23 tháng 12 năm 1980; Số định danh cá nhân: 093080006895; Địa chỉ: Nhà không số (C3A/26C/1 Tổ 3), Ấp 40, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người yêu cầu: Bà Nguyễn Thị V, sinh ngày 16 tháng 9 năm 1981; Số định danh cá nhân: 093181008933; Địa chỉ: Nhà không số (C3A/26C/1 Tổ 3), Ấp 40, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 8 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị V thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số I4 quyển số 0I do Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Tây, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang cấp ngày 09/5/2005 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị V cùng thống nhất giao trẻ Trần Quan Bình Â (giới tính: Nam) sinh ngày 12 tháng 1 năm 2025 và trẻ Trần Luật T (giới tính: Nam) sinh ngày 30 tháng 8 năm 2013 cho mẹ ruột là bà Nguyễn Thị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Không yêu cầu ông Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Trần Thanh T.

Cha, mẹ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung: Ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị V đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị V đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị V đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) mà ông Trần Thanh T và bà Nguyễn Thị V đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0007129 ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND TP. HCM;
- VKSND khu vực 10 – TP. HCM;
- THADS TP. HCM;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Gia Nam

2 000019 134206